TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13/2021/QĐST-HNGĐ	*TP. Sóc Trăng, ngày 29 tháng 01 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 334/2020/TLST/HNGĐ ngày 23/12/2020 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lưu Như N**, sinh năm 1995; Địa chỉ: Số 1223 đường D, khóm M, phường B, thành phố S, tỉnh S

- *Bị đơn:* Ông **Trần Minh T**, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số 179/16, đường ĐTĐ, khóm M, phường B, thành phố S, tỉnh S.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21/01/2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21/01/2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Lưu Như N và ông Trần Minh T thuận tình ly hôn.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Lưu Như N và ông Trần Minh T thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà Lưu Như N và ông Trần Minh T thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn bà Lưu Thị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Trần Phước L, (nam, sinh ngày 07/02/2013) còn ông Trần Minh T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục con chung là cháu Trần Thị Thanh T1, (nữ, sinh ngày 24/5/2014), bà Lưu Như N và ông Trần Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Lưu Như N và ông Trần Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung là cháu Trần Phước Lộc và cháu Trần Thị Thanh Trúc theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lưu Như N và ông Trần Minh T tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lưu Như N đồng ý chịu là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà N đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004926 ngày 14-12-2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Hoàn trả cho bà Lưu Như N số tiền án phí chênh lệch là 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Tỉnh. Sóc Trăng;
- VKSND TP. Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- UBND xã Đông Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Lý Bích Khiếm